TRIẾT HỌC CÔNG GIÁO LÀ GÌ?

Phan Tấn Thành*

Cách đây ba tháng, sau khi đắc cử vào chức vụ lãnh đạo Giáo hội Công giáo, Đức Thánh Cha Lêô XIV giải thích một lý do chọn tông hiệu này là vì muốn tiếp tục con đường của Đức Thánh Cha Lêô XIII, người khai trương học thuyết xã hội công giáo với thông điệp Rerum novarum (15 tháng 5 năm 1891)1. Nhưng có lẽ ít người biết rằng thông điệp ấy đã được chuẩn bị bởi một văn kiện khác, đó là thông điệp Aeterni Patris (ngày 4 tháng 8 năm1879), về việc phục hưng triết học Kitô giáo theo tinh thần của thánh Tôma Aquinô. Có thể coi đó như là một bước chuẩn bị quan trọng: Giáo hội Công giáo không chỉ phát biểu đạo lý liên quan đến Thiên Chúa, nhưng cảm thấy bổn phận phải lên tiếng về những vấn đề về con người, dưới sự hướng dẫn của thánh Tôma. Từ đó các trường học Công giáo có nhiệm vụ phải dạy triết học dựa theo tư tưởng của thánh Tôma. Tuy nhiên, vào giữa thế kỷ XX, có người đặt lại vấn đề: Có một triết học Kitô giáo không? Có thể coi thánh Tôma như tiêu biểu của triết học Công giáo không?

Bài viết này muôn ôn lại lịch sử cuộc tranh luận, qua việc xác định ý nghĩa của "triết học công giáo" với hai câu hỏi: Triết học là gì? Triết học Công giáo hay Kitô giáo?

1. Triết học

Ai cũng biết là "triết học" chuyển dịch từ philosophia (gốc Hy-lạp, hoặc philosophie tiếng Pháp, philosophy tiếng Anh); nhưng có lẽ ít người để ý rằng philosophia không hẳn là triết học.

Thật vậy, có người đã muốn phân biệt giữa "triết học" và "triết lý", cách riêng khi bàn về việc đối chiếu giữa Đông phương và Tây phương. Vào năm 1960, trong quyển sách "Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông Tây" (tủ sách Ra Khơi, Saigon), linh mục Lương Kim Định đã đưa ra sự phân biệt giữa "minh triết", "triết lý", "triết học" như sau:

1/ Minh triết (sagesse) "chỉ sự khôn sáng của các thánh hiền đã được kết tinh vào những câu triết ngôn thuộc Truyền thống tinh thần. Các ngài là những vị siêu quân bạt chúng đã tới cái trí tri thể nghiệm nên những lời huấn đức của các ngài tuy vắn tắt kiểu châm ngôn nhưng có hiệu lực muôn đời như: Pythagore, Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca vv... Các ngài lo sống cái minh triết hơn là nghĩ đến sách vở. Phương pháp của các ngài là thể nghiệm, trực giác, không dùng lý luận, phân tách hoặc dùng rất ít trường hợp Khổng" (trang 19).

2/ Triết lý là "những sách vở do môn đệ các vị trên để lại như :Tuân Tử, Mạnh Tử, Chu Hi … Những đề tài họ suy tư cũng là những vấn đề của thầy, nghĩa là xoay quanh cứu cánh thân phận con người; phương pháp là dùng lý luận biện chứng để tìm hiểu và phổ biến minh triết, nhờ thế mà quảng đại quần chúng hiểu rõ được chỗ sâu xa của minh triết […] Như vậy triết lý giống với minh triết ở đối tượng: cả hai lấy cứu cánh con người làm trọng tâm suy

* Giáo sự tại học viện Đa Minh, TP. HCM

1 https://www.vaticannews.va/vi/church/news/2025-05/thoi-dai-dgh-leo-xiii-chung-ta.html

nghĩ, nhưng khác với minh triết về phương pháp: minh triết nhìn thẳng thực nghiệm, trái lại triết lý đưa ra lý sự, biện chứng, bàn giải (trang 20).

3/ Minh triết và triết lý có thể coi là hương hỏa triết Đông, tuy nhiên không có nghĩa là Tây-âu không có minh triết và triết lý, nhưng cứ chương trình chính thức qua các đời mà xét thì Triết học khác với triết lý ở ba đầu mối như sau:

Trước nhất về đối tượng không lấy con người mà lấy thiên nhiên sự vật làm trung tâm suy tư; chẳng hạn bàn về bản thể sự vật, sự hữu chung.

Thứ đến phương pháp: theo lối khoa học phê phán và phân tách, cố tìm ra những ý niệm độc đáo và tích lũy sự kiện để kết thành những hệ thống mạch lạc, chặt chẽ và vững vàng hay bàn những vấn đề liên hệ đến khoa học.

Nhân đó về mục phiêu lấy tri thức làm cùng đích. Triết học được coi là một việc tìm hiểu đối tượng khách quan, một phương pháp thăm dò ngoại vật, nhằm đó nhà triết học cũng thường kiêm nhiệm khoa học gia. Thí dụ điển hình là Aristote và Descartes. Vì thế nó không nhằm thực hiện vào bản thân như triết lý mà nhằm tìm biết sự vật khách quan" (trang 22).

Chúng tôi không muốn phê bình việc phân chia này nhưng chỉ muốn cho thấy rằng cùng một danh từ philosophia mà có thể chuyển sang ba thuật ngữ khác nhau trong tiếng Việt2. Một điều tương tự như vậy cũng đã xảy ra cho danh từ religion, vừa có nghĩa là "tín ngưỡng" vừa có nghĩa là "tôn giáo": hai từ ngữ này không hoàn toàn đồng nghĩa, và chẳng có từ nào dịch sát nguyên gốc religio trong tiếng Latinh, bởi vì religious life không chỉ là "đời sống tôn giáo" mà còn là "đời sống tu trì" nữa! Điều này đưa chúng ta đến một nhận xét thú vị, đó là philosophia không phải lúc nào cũng là "triết"; bằng cớ là chẳng mấy ai muốn nhìn nhận văn bằng Ph.D. (Philosophiae Doctor) là "tiến sĩ triết học", và lại càng không muốn được gọi là "triết gia"!

Xét vì "Triết học Công giáo" liên quan đến môi trường văn hóa Tây phương, cho nên chúng tôi không dừng lại ở việc phân tích ý nghĩa của từ "triết" bên Đông phương, nhưng cố gắng theo dõi những ý nghĩa khác nhau của danh từ "philosophia".

A. Philosophia: sự tiến triển ý nghĩa.

Theo tầm nguyên, philosophia gồm bởi philein (yêu mến) và sophia (sự khôn ngoan). Thế nhưng"Khôn ngoan" là gì? Trong lịch sử tư tưởng châu Âu, có một sự tiến triển sâu xa trong cách hiểu từ philosophia.

Ở Hy-lạp, cho đến thế kỷ VII trước CN, sophos ám chỉ ngành thủ công. Sau đó, ngành này được gọi là technê, còn sophia được dành cho công việc trí tuệ, và cho đến thời ông Socrates sophistes là hạng người rất được kính trọng (sau này mang nghĩa là "ngụy biện"). Người ta cho rằng ông Pythagoras là người đã chế ra từ ngữ philosophia, bởi vì ông cho rằng duy chỉ Thượng đế mới là Sophos, còn loài người cùng lắm chỉ ước mong được trở nên Philosophos mà thôi (nghĩa là những kẻ ái mộ sophia), tức là ái mộ chân lý, đi tìm về nguồn gốc vạn vật. Công cuộc truy tầm này mang tính cách thực hành, diễn tả qua lối sống, luôn

2 Philosophia mới được dịch sang tiếng Hán vào cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, nhờ học giả người Nhật Nishi Amane. X. Antonio S. Cua, "The Emergence of the History of Chinese Philosophy", in: The Routledge History of Chinese Philosophy edited by Bo Mou, London 2009, p.44: "Nishi Amane, in his Hyakuichi shimron (Bai-Yi-Xin-Lun) (1874), appeared to be the first scholar to use zhe-xue (哲學) as a translation for the Greek philosophia and 'philosophy'".

luôn đặt câu hỏi, để tìm ý nghĩa cho cuộc đời3. Theo nghĩa này, ông Socrates được coi là philosophos nổi danh nhất, với châm ngôn "Hãy biết mình".

Tiến thêm một bước nữa, người ta chuyển từ khôn ngoan như một "lối sống" sang khôn ngoan như là "hiểu biết". Philosophia trở thành yêu mến sự hiểu biết. Và rồi nhiều câu hỏi được đặt ra: Hiểu biết cái gì? Hiểu biết như thế nào? Chúng ta sẽ thấy rằng philosophia sẽ được Aristote mở rộng đến toàn thể tri thức của nhân loại, và rồi bị thu hẹp vào một loại kiến thức "chung chung" hoặc "mơ hồ" vào thời cận đại4.

1) Hy lạp cổ đại

Ông Platon (Republica) phân biệt giữa doxa (ý kiến) và episteme (kiến thức). Ý kiến là sự hiểu biết nảy lên trong đầu óc, không cần vất vả tìm kiếm; còn kiến thức là sự hiểu biết đạt được do sự tìm kiếm. Từ đó trở đi, philosophia không còn chỉ là yêu mến sự khôn ngoan hay là sự hiểu biết chung chung nữa, nhưng là kiến thúc đạt được qua lý luận, suy tư, đặc biệt là bằng dialectica, nghĩa là suy xét những lý lẽ thuận và nghịch.

Đang khi ông Platon xác định phương pháp để đạt tới kiến thức, ông Aristote chú ý đến nội dung của kiến thức. Đối với Aristote, philosophia bao trùm toàn thể tri thức của con người, tất cả những gì mà trí tuệ có thể biết được. Với kiến thức rộng rãi của mình, ông đã phân biệt ba lãnh vực chính của tri thức: logica, physica, ethica.

Logica bao gồm những môn học về các phương tiện để đạt được kiến thức, các phương pháp để nắm bắt bản chất của sự vật.

Physica bao gồm những kiến thức về vạn vật, do thiên nhiên làm ra.

Ethica gồm những kiến thức về hoạt động của con người, bao gồm từ chính trị cho đến nghệ thuật, thi ca.

2) Thời Trung cổ

Qua thời Trung cổ, philosophia được hiểu theo nghĩa mà Aristote đã để lại, nghĩa là bao trùm toàn thể kiến thức của nhân loại. Duy có nhiều là các kiến thức này có thể được thủ đắc do hai nguồn khác nhau: hoặc do lý trí hoặc do mặc khải. Từ đó có sự phân biệt giữa philosophia và theologia:

Theologia ám chỉ những kiến thức về Thiên Chúa.

Philosophia ám chỉ những kiến thức của con người về thiên nhiên.

Nên ghi nhận là philosophia bao trùm tất cả tri thức của con người. Không lạ gì mà khi viết tác phẩm về "vật lý" (lý lẽ sự vật), ông Isaac Newton đã đặt tựa đề là Philosophiae Naturalis Principia Mathematica (Những nguyên tắc toán học của triết học thiên nhiên, năm 1687). Một dấu vết khác của việc sử dụng thuật ngữ này là tên gọi các phân khoa đại học bên Đức (và Anh Mỹ): đại học gồm bốn phân khoa: luật, y, thần và "philosophia". Vì thế "philosophia" là tên đặt cho phân khoa không phải là luật, y, thần. Không lạ gì tất cả các sinh viên tốt nghiệp vật lý, hóa học, toán học, văn chương, sử địa, tâm lý, vv… đều lãnh bằng Philosophiae Doctor (Ph.D.).

3Pierre Hadot, La philosophie comme manière de vivre. Albin Michel, Paris, 2002

4X. Manuel Garcia Morente, Lecciones preliminares de filosofia, nueva edición, Porrua, Mexico, 1980, p.4-14.

3) Thời cận đại

Sang thời cận đại, phạm vi của philosophia bị thu hẹp lại, do sự "ly khai" của các khoa học thực nghiệm. Kể từ thế kỷ XVIII không còn các nhà "bác học" như xưa nữa (kể từ Aristote cho đến Descartes, Leibniz): các ngành toán học cũng như vật lý, hóa học tách rời khỏi philosophia, và được mang tên chung là "khoa học" (scientia). Trước đây scientia được hiểu là "kiến thức" nhưng từ nay được hiểu về các môn học về thiên nhiên, áp dụng phương pháp đo lường, giả thuyết, chứng minh. Điển hình cho "khoa học" theo nghĩa cận đại là Physica (vật lý), tuy rằng theo nguyên nghĩa là môn nghiên cứu về bản tính sự vật (cách vật trí tri).

B. Philosophia và Theologia

Như vừa nói, trong lịch sử Kitô giáo, ít là từ thời Kinh viện, người ta cố gắng xác định sự khác biệt giữa "triết học" và "thần học" như sau: triết học dựa trên lý luận của lý trí, còn thần học dựa trên các dữ kiện của mặc khải. Tuy nhiên, vào thời đầu công nguyên, người ta không hiểu như vậy, và các giáo phụ có thiện cảm với philosophia hơn là với theologia. Lý do là vì đối với người Hy-lạp, theologia có nghĩa là "thần thoại", vì vậy bị các triết gia như Aristote khinh thường. Phải mất nhiều thời gian, các giáo phụ mới "rửa tội" cho danh từ theologia theo nghĩa là bàn về Thiên Chúa chân thật. Trong bối cảnh ấy, không lạ gì mà nhiều giáo phụ thích trình bày Kitô giáo như là philosophia theo nghĩa nguyên thủy là "yêu mến Thiên Chúa", Đấng Khôn ngoan đích thực, dựa trên tư tưởng của các tác phẩm cuối cùng của Cựu ước, được xếp vào loại "các văn phẩm khôn ngoan" (libri sapientiales)5.

Cũng nên biết là ngày nay, bên các Giáo hội Đông phương, theologia không đối lại philosophia cho bằng đối lại với oikonomia. Theologia bàn về bản tính Thiên Chúa: đây là một mầu nhiệm mà tốt hơn chúng ta nên kính cẩn thờ lạy; Oikonomia bàn về công trình cứu độ của Thiên Chúa đã được tỏ lộ cho chúng ta (x. Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo số 236)6.

Dù sao, ngày nay trong các học viện và chủng viện Công giáo, Philosophia được hiểu theo nghĩa cận đại, chứ không còn theo nghĩa bao quát như thời Trung Cổ nữa. Trên thực tế, đôi khi có sự hiểu lầm về môn học (Psychologia, Anthropologia, Sociologia), bởi vì tuy cùng đối tượng nhưng khác biệt về phương pháp tiếp cận (chẳng hạn như giữa "tâm lý học thuần lý" và "tâm lý học thực nghiệm").

I. Triết học công giáo

Lẽ ra phải nói Triết học "Kitô giáo" thì đúng hơn là "Công giáo"7, nhưng tiêu đề đã được chọn nhằm giới hạn phạm vi nghiên cứu và cũng do những lý do lịch sử. Thật vậy, triết

5 Gustave Bardy,"Philosophie" et "Philosophe" dans le vocabulaire chrétien des premiers siècles, in: Revue d'ascétique et de mystique 25 (1949) 97-108. Johannes Zachhuber, Philosophy and Theology in Late Antiquity: Some reflections on concepts and terminologies,

https://www.academia.edu/36548030/Philosophy_and_Theology_in_Late_Antiquity_Some_reflections_on_concepts_and_terminologies

6Truyền thống Byzantin chỉ nhìn nhận ba người đáng mang danh là Theologos: thánh Gioan Tông đồ (vì đã chiêm ngưỡng Logos của Thiên Chúa), thánh Grêgôriô Nazianzô (vì đã trình bày chính xác đạo lý về Thánh Linh), thánh Simeon Theologos (k.949-1022, tác giả bàn về sự thiên hóa của con người).

7Thuật ngữ philosophia christiana được sử dụng kể từ thánh Augustinô (Contra Julianum pelagianum 4.14.72; PL 44, 774). X. Joseph Owens, Toward a Christian Philosophy, The Catholic University of America Press, Washington DC 1990, p.1. Về thuật ngữ "Triết học Công giáo", xem cùng tác giả và tác phẩm, chương 3: "The Notion of Catholic Philosophy" p.97-118.

học phát triển bên Giáo hội Công giáo hơn là bên các Giáo hội Chính thống (trong thiên niên kỷ thứ nhất), và thậm chí đã bị gạt bỏ bên các Giáo hội Cải cách (do ảnh hưởng của Luther).

Trên thực tế, vào hồi thập niên 30 của thế kỷ trước, một cuộc tranh luận sôi nổi đã xảy ra tại Pháp xoay quanh đề tài "Có triết học Kitô giáo không?"8

Trước đây, người ta vẫn nghĩ rằng nếu đã có những triết gia Kitô giáo (chẳng hạn như thánh Augustinô, Tôma Aquinô) thì đương nhiên phải có triết học Kitô giáo, đặc biệt kể từ khi thông điệp Aeterni Patris đã muốn giới thiệu học thuyết của thánh Tôma Aquinô như là triết học chính thức của Công giáo.

Thế nhưng có những người chủ trương ngược lại, vì muốn bảo vệ tính cách đa nguyên của triết học, theo đó chỉ có các "triết gia Kitô giáo" chứ không có "triết học Kitô giáo", cũng tương tự như có các bác sĩ, nhạc sĩ Kitô giáo chứ không có y khoa hoặc âm nhạc Kitô giáo9.

Ngày nay, khi nhìn lại vấn đề, người ta thấy rằng thuật ngữ "triết học Kitô giáo" có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau10.

1/ Triết học Kitô giáo có thể được hiểu như người Kitô hữu suy tư về triết học. Đây là một câu hỏi thuộc tri thức luận: Một triết gia Kitô giáo sẽ suy tư bằng đầu óc của mình, hay là phải dựa trên những luận cứ của đức tin? Có gì khác biệt giữa "hiểu" và "tin": một triết gia có thể chấp nhận một chân lý mà mình không thể chứng minh bằng lý luận hay không?

2/ Mở rộng thêm nhãn giới, triết học Kitô giáo cũng có thể hiểu như là mối tương quan giữa Kitô giáo với triết học: Kitô giáo có phải là một philosophia không? Kitô giáo có cần đến philosophia không? Philosophia có thể hòa hợp với đức tin Kitô giáo không? Philosophia có quy chế tự trị hay chỉ là "nữ tì của thần học" (ancilla theologiae)?

3/ Dù sao, khác với thời các giáo phụ (thánh Augustinô) và kinh viện (thánh Tôma) khi mà bên Tây phương chỉ có một triết học thống lĩnh (học thuyết Platon hoặc Aristote), ngày nay có rất nhiều triết thuyết (kể cả marxism, hiện sinh): chúng có thể sống chung với đức tin Kitô giáo được không? Một triết gia Kitô giáo có buộc phải theo Aristote, hay có thể theo các học thuyết khác? Điều này được đặt ra cách đặc biệt khi tiếp xúc với các nền văn hóa và tín ngưỡng tại Á châu. Hiểu theo nghĩa này, có thể nói rằng có nhiều triết học Kitô giáo, chứ không phải chỉ có một11.

4/ Những nghĩa trên đây chú ý đến hành vi suy tư. Bây giờ chúng ta chuyển sang một nghĩa khác, đó là kết quả của những suy tư vừa kể. Theo nghĩa này, triết học Kitô giáo cũng có thể hiểu là "tư tưởng Kitô giáo" (hoặc "học thuyết" Kitô giáo) liên quan đến các đề tài triết học, tựa như:

---

8 Louis-Bertand Geiger, "Christian Philosophy", in: New Catholic Encyclopedia, New Edition, Catholic University of America, Washington, 2003, vol. 3, p.538-542. Gregory B. Sadler, "The 1930s Christian Philosophy Debates", in: «Acta Philosophica» II, 21, 2012, pp. 393-406

9 Cuộc tranh luận bắt đầu từ một bài viết của E. Bréhier, Y a-t-il une philosophie chrétienne? Revue de Métaphysique et de Morale 38 (1931), 133-162. Tác giả phủ nhận một triết học Kitô giáo. Đối lại là chủ trương của Etienne Gilson và Jacques Maritain.

10 ĐGH Gioan Phaolo II, trong thông điệp Fides et ratio số 76, đã cho thấy những cách hiểu khác nhau của thuật ngữ "triết học Kitô giáo", xét từ phía chủ thể hoặc xét từ phía nội dung.

11 X. ĐGH Gioan Phaolo II, Thông điệp Fides et ratio, số 76.

- về con người (nhân sinh quan): quan niệm của Kitô giáo về tự do, lương tâm, luân lý, giáo dục, lao động, xã hội…

- về vũ trụ (vũ trụ quan): nguồn gốc và cứu cánh của nó (lịch sử quan) …

- về Thượng đế, về sự tạo dựng, nguồn gốc sự dữ…

Một thí dụ. Ngày nay, Giáo hội Công giáo muốn trình bày cho thế giới một "Học thuyết (hoặc giáo huấn, đạo lý) xã hội", bàn về nhân phẩm, gia đình, chính trị, lao động kinh tế, môi trường, vv…, vừa dựa trên những nguyên tắc của lý trí vừa dựa trên ánh sáng của đức tin12. Nhưng nếu hiểu như là "học thuyết" thì ranh giới giữa "triết học" và "thần học" không được rõ rệt. Dù sao, xem ra sự phân biệt này chỉ được đặt ra về phía Kitô giáo, chứ không có nơi các tôn giáo khác, (chẳng hạn như khi nói: triết học Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Ấn giáo, Islam, vv…, thì không ai nêu thắc mắc về thần học của họ).

5/ Ngoài ra, cũng nên biết là tại vài nơi, Triết học Kitô giáo có thể hiểu theo một nghĩa hẹp hơn, tức là: "triết học tôn giáo" (philosophy of religion), bàn luận về sự hiện hữu của Thiên Chúa13, hoặc "thần học tự nhiên" (natural theology): lý trí có thể nói gì về Thiên Chúa? (đối lại với "thần học siêu nhiên", nghĩa là sự hiểu biết về Thiên Chúa do mặc khải). Đàng sau quan niệm này là sự phân biệt thần học giữa "tự nhiên" (natura) và "ân sủng" (gratia) hoặc "siêu nhiên" (supernaturalis)14.

Kết luận

Chúng tôi không muốn đi sâu vào cuộc tranh luận về sự hiện hữu của triết học Kitô giáo, nhưng chỉ giới hạn vào một nhận xét mở đầu cho bài viết này. Đức Thánh Cha Lêô XIV muốn tiếp tục đường hướng mà Lêô XIII mở ra liên quan đến "Giáo huấn xã hội". Đây là một lãnh vực để Giáo hội đối thoại với thế giới hiện nay, liên quan đến các vấn đề nhân sinh: phẩm giá con người, gia đình, lao động, kinh tế, chính trị, hoà bình thế giới. Dựa vào đâu để Giáo hội Công giáo trình bày lập trường của mình? Giám mục Giampaolo Crepaldi, một thành viên của nhóm biên soạn cuốn "Tóm lược học thuyết xã hội" (2004), trả lời rằng: Thánh Tôma Aquinô15. Thiết tưởng, ở đây, ta đừng nên hiểu triết học công giáo như một hệ thông ý thức, nhưng như là suy trí của lý trí lành mạnh về những vấn đề liên quan đến con người.

12 X. Sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo số 2420-2422.

13 Quan niệm này được gặp thấy nơi nhiều tác giả Tin Lành ở Anh và Hoa kỳ.

14 Về triết học tôn giáo, xem bài của A. Aguti, "Triết học các tôn giáo. Những khuôn mẫu chính", Thời sự thần học số 68 (tháng 5/2015), trang 40-69.

15 G. Crepaldi, St. Thomas and the Compendium of the Social Doctrine of the Church, https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?id=10367. Xem thêm: John Finnis, Aquinas as a Primary Source of Catholic Social Teaching, https://assets.cambridge.org/97813165/13606/excerpt/9781316513606_excerpt.pdf